UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58 /2007/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn Sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 03/2006/QĐ-UB ngày 03/01/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế đánh giá, xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp Hà Nội - Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 471/TTr-SCN ngày 05/6/2007 v/v ký Quyết định ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội".

Điều 2. Ban chỉ đạo Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội có trách nhiệm căn cứ vào Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này chỉ đạo tổ chức triển khai lựa chọn, đề xuất danh mục các sản phẩm công nghiệp chủ lực đảm bảo mục tiêu và kế hoạch của Chương trình được Thành phố giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 12/2006/QĐ-UBND ngày 8/02/2006; Quyết định số 66/2006/QĐ-UBND ngày 15/5/2006 của UBND Thành phố Hà Nội.

Chánh văn phòng UBND Thành phố, các thành viên Ban chỉ đạo, các Sở, Ngành, và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các đ/c Phó chủ tịch UBND TP;
- Như điều 3;
- V1, V2, CNL, TH;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phí Thái Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số ....58...../2007/QĐ-UBND ngày...13.. /6/2007 của UBND Thành phố Hà Nội)

Điều 1. Quy định chung:

1. Tiêu chí đánh giá lựa chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL) Thành phố Hà Nội bao gồm 10 tiêu chí áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình phát triển SPCNCL Thành phố Hà Nội.

2. Tổng điểm tối đa cho 10 tiêu chí là 100 điểm.

3. Phương pháp tính điểm cho 10 tiêu chí gồm 2 nhóm:

- Nhóm tiêu chí định lượng: sử dụng phương pháp chung được được nêu trong Quy định này để làm căn cứ tính toán.

- Nhóm tiêu chí định tính: sử dụng phương pháp chuyên gia để chấm điểm.

4. Quy định về điểm chuẩn xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực: Việc lựa chọn mức điểm chuẩn đạt sản phẩm công nghiệp chủ lực do các Hội đồng chuyên ngành quyết định phù hợp với từng thời kỳ xét chọn.

Điều 2. Quy định cụ thể:

Nội dung cụ thể của 10 tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn cho từng tiêu chí và phương pháp tính điểm chung cho 10 tiêu chí được nêu trong bảng dưới đây:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn (tối đa)	Phương pháp tính điểm
1	***Tiêu chí 1***: Chỉ tiêu tăng trưởng phát triển sản xuất SPCNCL biểu thị bằng tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp cao và ổn định.	10	Lấy mức tăng trưởng chung cả năm của ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký hoặc có thể lấy mức tăng trưởng chung của Thành phố làm chuẩn để so sánh. Việc lựa chọn chuẩn so sánh phù hợp do các hội đồng chuyên ngành quyết định. Nếu mức tăng trưởng của sản phẩm đăng ký bằng chuẩn được tính 0 điểm và cứ cao hơn chuẩn 0,5% được tính cộng thêm 1 điểm.
2	***Tiêu chí 2***: Chỉ tiêu quy mô sản xuất SPCNCL được biểu thị bằng Doanh	20	Lấy mức 200 tỷ đồng/năm làm chuẩn so sánh. Doanh thu của sản phẩm đăng ký đạt 200 tỷ đồng trở lên được tối đa là 20

	thu do sản phẩm đó tạo ra.		điểm. Cứ giảm 10 tỷ đồng thì tương đương với hạ 1 điểm.
3	***Tiêu chí 3***: Chỉ tiêu năng suất lao động của SPCNCL được biểu thị bằng tỷ số giữa giá trị sản xuất công nghiệp do sản phẩm đó tạo ra với số lượng lao động tham gia sản xuất sản phẩm đó.	10	Lấy tỷ số giữa giá trị sản xuất công nghiệp với số lao động của ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký làm chuẩn để so sánh. Nếu chỉ tiêu năng suất lao động của sản phẩm đăng ký bằng chuẩn thì tính 0 điểm và tăng hơn 10% thì được tính cộng thêm 1 điểm.
4	***Tiêu chí 4***: Chỉ tiêu về khả năng xuất khẩu thể hiện bằng tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao và ổn định.	5	Lấy mức tăng trưởng chung của kim ngạch xuất khẩu ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký trong 1 năm trước đó làm chuẩn so sánh. Nếu mức tăng trưởng của sản phẩm đăng ký bằng mức chung được tính 0 điểm. Cứ cao hơn 1% được tính cộng thêm 1 điểm.
5	***Tiêu chí 5***: Chỉ tiêu đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm được biểu thị bằng số lượng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.	5	- Đối với ngành chế biến lương thực thực phẩm và ngành hoá dược: Nếu đơn vị đã áp dụng HACCP hoặc GMP được tính 2 điểm. - Đối với các ngành sản xuất công nghiệp khác còn lại: Nếu đã áp dụng ISO 9001:2000 được tính 2 điểm. - Đối với tất cả các ngành sản xuất công nghiệp: Cứ áp dụng thêm 1 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế khác (ngoài 3 hệ thống nêu trên) đem lại hiệu quả thiết thực được cộng thêm 1 điểm.
6	***Tiêu chí 6***: Chỉ tiêu về bản quyền đối với sản phẩm (Sở hữu công nghiệp và thương hiệu).	5	- Sản phẩm đã đăng ký bảo hộ trong nước hoặc ngoài nước đối với nhãn hiệu hàng hoá được cộng 1 điểm. - Sản phẩm đã đăng ký kiểu dáng công nghiệp được cộng 1 điểm. - Sản phẩm được bình chọn hoặc đạt giải thưởng chất lượng trong các Hội chợ: cứ đạt một giải thưởng có chứng nhận được cộng 1 điểm. Tối đa là 3 điểm.
7	***Tiêu chí 7***: Trình độ thiết bị công nghệ sản xuất SPCNCL. Lưu ý: thiết bị và con người được xét đến trong	15	***Tiêu chí này được phân ra làm 3 nhóm:*** *1. Thiết bị công nghệ: 7 điểm* - Giá trị trang thiết bị bình quân trên 1 đầu người tối đa 3 điểm: lớn hơn hoặc bằng

	tiêu chí này phải liên quan trực tiếp đến sản xuất SPCNCL.		30.000 USD đạt điểm tối đa, giảm 5.000 USD thì trừ 0,5 điểm, nhỏ hơn 5.000 USD không đạt điểm nào. - Xuất xứ của thiết bị tối đa 2 điểm: nếu trên 50% thiết bị để sản xuất sản phẩm đăng ký có xuất xứ từ các nước công nghiệp phát triển 2 điểm, các nước công nghiệp mới 1 điểm, các nước đang phát triển 0 điểm. - Chi phí nguyên liệu cho 1 đơn vị sản phẩm tối đa 2 điểm: nếu mức tiêu hao nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng mức trung bình tiên tiến thế giới đạt 2 điểm, cao hơn tối đa 20% đạt 1 điểm, cao hơn trên 20% đạt 0 điểm. *2. Trình độ nhân lực: 6 điểm* - Tỷ lệ cán bộ, công nhân có trình độ cao đẳng đại học trở lên lớn hơn 15% đạt 3 điểm, trong khoảng lớn hơn 10% đến15% đạt 2 điểm, trong khoảng lớn hơn 5% đến 10% đạt 1 điểm, từ 5% trở xuống đạt 0 điểm. - Tỷ lệ thợ bậc cao (bậc 5 trở lên) lớn hơn 20% đạt 3 điểm, trong khoảng lớn hơn 15% đến 20% đạt 2 điểm, trong khoảng lớn hơn 10% đến 15% đạt 1 điểm, từ 10% trở xuống đạt 0 điểm. *3. Thông tin: 2 điểm* - Có trang bị hệ thống thông tin phục vụ sản xuất đạt 1 điểm. - Có trang bị hệ thống thông tin phục vụ quản lý đạt 1 điểm.
8	***Tiêu chí 8***: Có điều kiện và khả năng đảm bảo phát triển bền vững (không gây ô nhiễm môi trường hoặc có biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường).	5	- Trong sản xuất sản phẩm đăng ký không có nước thải hoặc có nước thải ra nhưng đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép theo quy định được 3 điểm. - Trong sản xuất sản phẩm đăng ký không có khí thải hoặc có khí thải ra nhưng đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép được cộng thêm 1 điểm. - Trong sản xuất sản phẩm đăng ký luôn đảm bảo tiếng ồn đạt tiêu chuẩn cho phép được cộng thêm 1 điểm.

9	***Tiêu chí 9***: Có khả năng thúc đẩy ngành kinh tế kỹ thuật khác phát triển hoặc đảm bảo cung ứng để tăng dần tỷ trọng nội địa hoá hoặc tỷ trọng nguyên vật liệu sản xuất trong nước cho các SPCNCL khác.	10	Tính theo phương pháp chuyên gia.
10	***Tiêu chí 10***: Tiêu chí về hiệu quả sản xuất kinh doanh của sản phẩm (được thể hiện thông qua nộp ngân sách, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động...)	15	Tính theo phương pháp chuyên gia.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Các Hội đồng chuyên ngành được quy định trong Quyết định 03/2006/QĐ-UB ngày 03/01/2006 của UBND Thành phố ban hành Quy chế đánh giá, xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội căn cứ các nội dung được quy định tại Điều 2 của Quy định này có trách nhiệm chi tiết hóa các phương pháp tính điểm của 10 tiêu chí phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành của Hội đồng.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo, tổ viên tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, các Hội đồng chuyên ngành và các doanh nghiệp công nghiệp thuộc Thành phố Hà Nội có trách nhiệm quán triệt và thực hiện đúng các nội dung trong Quy định này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do UBND Thành phố quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban chỉ đạo Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phí Thái Bình